TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 25/2022/QĐTS-HNGĐ	*Kon Tum, ngày 07 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 *"Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

Chị Y Y, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn Khơk Klong, xã Rờ Kơi, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

Anh A T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 4 , xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Y và anh A T kết hôn với nhau là tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 20 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND xã xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

[2] Về con chung: Chị Y Y và anh A T thỏa thuận giao con chung cháu Y Thuật, sinh ngày 11/10/2018 cho chị Y Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Y Y không yêu cầu anh A T đóng góp tiền cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung; Người yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét thấy, Chị Y Y và anh A T thật sự tự nguyện ly hôn theo đơn yêu cầu ghi ngày 21/01/2022 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Tòa án ngày 26/01/2022; Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y Y và anh A T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Y Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y Thuật sinh ngày 11/10/2018 cho đến khi đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Y Y không yêu cầu anh A T cấp dưỡng.

Anh A T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về Tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y Y và anh A T phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm; Được đối trừ tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị Y Y và anh A T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000612 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố Kon Tum. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP KonTum;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ ./.

THẨM PHÁN

Phạm Bá Nghiên